

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT
Ngày 16-03-2021
V/v "Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Lịch.

Các thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hòa.

Bà Bùi Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:

Bà Lò Thị Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2020/QĐ-PT ngày 31/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐ-PT ngày 26/01/2021, Công văn tạm dừng phiên tòa số 162/2021/CV-TA ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã K huyện M, tỉnh Yên Bái.

*** Bị đơn:** Chị Lê Thị Th, sinh năm 1982. Vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Tập thể Kho bạc Nhà nước thị xã M, tỉnh Điện Biên tại tổ 4, phường Sông Đ, thị xã Mường L tỉnh Điện Biên.

- Người kháng cáo: Chị Lê Thị Th - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Anh Vũ Văn T và chị Lê Thị Th kết hôn năm 2006, đến năm 2018 do mâu thuẫn nên vợ chồng đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn, anh T và chị Th tự thỏa thuận để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 11/6/2007 và cháu Vũ Thượng N, sinh ngày 08/10/2015. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành.

Tuy nhiên sau khi ly hôn, điều kiện sống thực tế của chị Th không đảm bảo cho cuộc sống của các con, trong khi anh T lại có đủ khả năng để chăm lo cho các cháu. Cụ thể:

- Chị Th có thu nhập hàng tháng trung bình từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01 tháng (Hệ số lương của chị Thủy là $3,66 \times 1.490.000$ đồng = 5.453.400 đồng); chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và cháu N trung bình từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/01 tháng.

- Chị Th có nơi công tác không ổn định và không có chỗ ở ổn định (không có quyền sở hữu nhà, đất) cụ thể tại thành phố Đ, chị Th phải bỏ chi phí thuê nhà ở hàng tháng; tại thị xã M, chị Th và cháu N phải ở khu tập thể của kho bạc Nhà Nước thị xã M;

- Anh T là giám đốc công ty TNHH thương mại và xây lắp Thành Đạt và là Phó giám đốc công ty TNHH Xuân Thiện Hà G - Nhà máy thủy Điện Sông 06. Mức lương trung bình của anh tại 02 công ty khoảng từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/01 tháng.

- Anh T có quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cố định tại trung tâm thành phố Đ nên có điều kiện về vật chất, tinh thần và môi trường sống tốt để chăm sóc cho các con chung hơn so với chị Th.

Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, giao cho anh được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Thượng N, sinh ngày 08/10/2015. Anh T không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con với cháu N.

Bị đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Sau khi ly hôn với anh T, chị Th vẫn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung giữa chị và anh T. Chị và gia đình chị không cản trở việc anh T và gia đình thăm nom cháu D và cháu N. Tháng 10/2019, chị đã kết hôn với anh Vương Quốc Đ, hiện chị đã chuyển công tác lên Kho Bạc Nhà nước thị xã M, tỉnh Điện Biên. Chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, hiện tại chị đang làm kế toán tại Kho bạc Nhà nước thị xã M, mức lương từ 14.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng/01 tháng. Chị và cháu N đang ở khu tập thể Kho bạc Nhà nước thị xã M còn cháu D ở cùng với bố mẹ đẻ của chị tại thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nay anh T xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn đối với

cháu N thì chị không đồng ý. Bởi lẽ có giao con cho anh T thì anh T cũng không có điều kiện chăm sóc cháu N vì anh T phải thường xuyên đi làm và cháu N ở với mẹ thì thuận tiện sinh hoạt hơn ở với bố.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; 144, 147; 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; giao con chung là cháu Vũ Thượng N, sinh ngày 08/10/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Chị Lê Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn T về việc không yêu cầu chị Lê Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N.

Cháu Vũ Thượng N hiện tại đang ở cùng với chị Lê Thị Th, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T có yêu cầu, chị Th có nghĩa vụ giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đ nhận được đơn kháng cáo của chị Lê Thị Th, là bị đơn trong vụ án, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận cho anh T nuôi cháu N.

Ngày 20/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đ ban hành Thông báo sửa đổi bổ sung bản án số 01/2021/QĐ-SCBSBA trong đó bổ sung trong phần Quyết định của bản án trên nội dung: “*Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn T về việc không yêu cầu chị Lê Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N theo Quyết định số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên*”. Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tổng đạt hợp lệ Thông báo trên nhưng không ai kháng cáo, Viện kiểm sát cũng không kháng nghị.

Quá trình thụ lý, giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên có công văn số 79/2020/CV-TA ngày 22/12/2020 về việc đề nghị chị Lê Thị Th cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh các lý do kháng cáo bản án. Tại văn bản trả lời của chị Th đề ngày 24/12/2020, chị Th đã trình bày lại các lý do kháng cáo, các lý do này đã được đề cập tại Đơn kháng cáo ngày 09/10/2020 mà chị Th giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm. Ngoài ra, chị Th không có tài liệu chứng cứ nào kèm theo, đặc biệt là các tài liệu chứng cứ chứng minh anh T có

hành vi bạo hành gia đình với cháu D và tính chất công việc anh T thường xuyên đi lại ảnh hưởng đến việc chăm sóc con cái.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Vũ Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Lê Thị Th đồng thời là người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến, đề nghị gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa, thẩm phán chủ tọa phiên tòa, hội đồng xét xử, thư ký tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm và thông báo Thông báo sửa đổi bổ sung bản án số 01/2012/QĐ-SCBSBA của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*" và áp dụng quy định khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn kháng cáo của chị Lê Thị Th trong hạn luật định, nội dung và hình thức đơn kháng cáo đúng quy định, chị Th đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để được thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th và anh T đã được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn, anh T và chị Th tự nguyện thỏa để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 11/6/2007 và cháu Vũ Thượng N, sinh ngày 08/10/2015. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Nguyễn đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, nhận thấy điều kiện sống thực tế của chị Th không đảm bảo cho cuộc sống của các con, trong khi anh T lại có đủ khả năng để chăm lo cho các cháu nên anh T có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Đ là nơi bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, giao con chung là cháu N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th không đồng ý nên

kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận cho anh T nuôi cháu Nguyên.

Nhận thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xét xét đến quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong khi anh Tân có nhà ở, công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con cái. Còn chị Th là kế toán kho bạc M, tuy có công việc ổn định nhưng hiện tại vẫn ở nhà tập thể của cơ quan. Hơn nữa, tại thời điểm thuận tình ly hôn, hai con chung của anh chị còn nhỏ nên chưa phát sinh nhiều chi phí sinh hoạt, hoạt tập. Nay cháu D đã chuẩn bị bước vào cấp 3 còn cháu N chuẩn bị vào lớp một nên việc nuôi dạy chăm sóc các cháu sẽ phát sinh thêm nhiều yêu cầu. Nhận thấy mức thu nhập qua lương của một công chức kế toán kho bạc nhà nước, dù có thêm các khoản phụ cấp, tiền thưởng của ngành kho bạc (như trong Đơn xác nhận về thu nhập cá nhân mà chị Th đã cung cấp tại cấp sơ thẩm) thì vẫn theo thang bảng lương của Nhà nước quy định. Với mức thu nhập trên nếu tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung chưa thành niên sẽ gây nhiều khó khăn về kinh tế cho chị Th. Thực tế hiện nay, chị Th phải gửi cháu D cho bố mẹ để ở thành phố L chăm sóc còn chị Th chỉ chăm sóc mình cháu N

Trong khi đó, anh T là giám đốc công ty TNHH thương mại và xây lắp Thành Đạt và là Phó giám đốc công ty TNHH Xuân Thiện Hà G - Nhà máy thủy Điện Sông L 06. Mức lương trung bình của anh T tại 02 công ty khoảng từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/01 tháng (Theo xác nhận thu nhập cá nhân của Công ty TNHH thương mại và xây lắp Thành Đạt và Công ty TNHH Xuân Thiện Hà G). Vì vậy, anh T có điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc san sẻ trách nhiệm nuôi dưỡng con cái với chị Th. Việc anh T có nguyện vọng được nuôi một con chung chưa thành niên là hoàn toàn chính đáng, thể hiện trách nhiệm làm cha đối với con cái mặc dù hôn nhân đã chấm dứt. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giao cháu N cho anh T chăm sóc vừa đảm bảo về mặt điều kiện vật chất cho trẻ em, vừa hài hòa về mặt tình cảm gia đình để mỗi bên cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con cái, theo đúng quy định tại Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Mặt khác, tại đơn kháng cáo, chị Th có trình bày anh T có hành vi bạo hành gia đình với cháu D nhưng tại phiên tòa, anh T không thừa nhận và chị Th cũng không có chứng cứ chứng minh trình bày của chị Th là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm đã có công văn số 79/2020/CV-TA ngày 22/12/2020 về việc đề nghị chị Thủy cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh các lý do kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp, nhưng từ thời điểm nhận được công văn đến phiên tòa hôm nay, chị Th không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ gì.

Việc cháu D có đơn trình bày gửi Tòa án cấp phúc thẩm về việc anh T có hành vi bạo hành cháu D trong thời gian trước khi ly hôn, kèm theo đơn không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh. Đây là một căn cứ để Tòa án xem xét tuy nhiên tài liệu này không đủ cơ sở xác định thời điểm hiện nay anh T có nhân phẩm, tính cách như lời cháu N trình bày không. Mặt khác, đơn trình bày của cháu D không có chữ ký xác nhận của chị Th là không đảm bảo theo quy định

tại khoản 5 Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Do đó không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 19/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Đối với Thông báo sửa đổi bổ sung bản án số 01/2021/QĐ-SCBSBA ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Mặc dù không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng xét thấy nội dung bổ sung trong Thông báo số 01/2021/QĐ-SCBSBA ngày 20/01/2021 có liên quan đến kháng cáo của chị Th nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn xem xét theo quy định Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những phân tích, đánh giá trên, do không chấp nhận kháng cáo của chị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao con chung là cháu Vũ Thượng N, sinh ngày 08/10/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giữ nguyên Thông báo số 01/2021/QĐ-SCBSBA ngày 20/01/2021 để bản án được thống nhất thi hành.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị Thủy phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Lê Thị Th.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 19/9/2020 và Thông báo sửa đổi bổ sung bản án số 01/2021/QĐ-SCBSBA ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; giao con chung là cháu Vũ Thượng N, sinh ngày 08/10/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Chị Lê Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn T về việc không yêu cầu chị Lê Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyên.

Cháu Vũ Thượng N hiện tại đang ở cùng với chị Lê Thị Th, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Tân có yêu cầu, chị Th có nghĩa vụ giao cháu

Nguyên cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn T về việc không yêu cầu chị Lê Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N theo Quyết định số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên

2. Về án phí:

- Anh Vũ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho anh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000114 ngày 08/6/2020; chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị Phạm Thị H đã nộp thay chị Lê Thị Th tại Biên lai số 0000346 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Chị Lê Thị Th đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/03/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP.ĐBP;
- Chi cục THADS TP.ĐBP;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lò Văn Lịch